Order for Protection
(Án Lệnh Bảo Vệ)

Tải văn bản tiếng Anh từ trang mạng Tòa Án:
http://www.courts.wa.gov/forms/?fa=forms.contribute&formID=70.)

Đây là Án Lệnh Bảo Vệ. Nếu được quan tòa ký, án lệnh này sẽ:

- Cho bị đơn biết những ngăn cấm nào có hiệu lực.
- Ấn định ngày mãn hạn.

Lục sự sẽ nộp bản chính của án lệnh vào hồ sơ công cộng tòa và phân phát những bản sao cho:

- Quý vị (những bản sao chứng thực miễn phí).
- Cơ quan công lực, để nhập vào kho dữ kiện toàn bang.
- Việc tống đạt bị đơn (nếu bị đơn không đến phiên toàn toàn diện).

Xin kiểm tra với lục sự tòa trước khi điền án lệnh.

Có những tòa thì quan tòa điền án lệnh này. Trong những tòa khác, quý vị phải điền nguyên bộ hay một phần của án lệnh. Xin kiểm tra với lục sự tòa.

- Nếu quý vị phải điền án lệnh, xin tuân theo những chỉ thị dưới đây.
- Nếu cần, xin lục sự cho biết những dịch vụ giúp đỡ để giúp quý vị điền án lệnh này.

Xin Viết Chữ In Rõ Ràng Bằng Mực Đen hoặc Xanh!

Trang 1:

- Điền tên của quý vị (tên, tên đệm, họ) là Đương Đơn , và viết ngày sinh của qưý vị vào chỗ có chữ "DOB."
- Người quý vị muốn được bảo vệ khỏi tay người đó, là "Bị đơn." Điền tên (tên, tên đệm, họ) và ngày sinh của bị đơn. Nếu quý vị không biết ngày sinh của bị đơn, xin viết tuổi của bị đơn.

Lục sự sẽ điền địa chỉ và số điện thoại của tòa án.

Tên của Những Trẻ Vị Thành Niên

- **Nếu không có trẻ vị thành niên nào liên quan**, xin đánh vào khung "No Minors Involved."
- **Nếu có trẻ vị thành niên liên quan**, xin liệt kê tên (tên, tên đệm, họ) và tuổi của mỗi trẻ liên quan đến vụ này.

Danh Tánh của Bị Đơn

- Mô tả hình dạng của bị đơn: giới tính, chủng tộc, màu tóc, chiều cao, cân nặng, và màu mắt.
- Liệt kê những nét dễ nhận dạng của bị đơn, như là nốt ruồi, vết xẹo hoặc vết xâm.

- Đánh vào khung cho biết bị đơn có thể tiếp cận với vũ khí hay không.

"Quan Tòa Phán Quyết Căn Cứ Vào Hồ Sơ Tòa"

Luật pháp đòi hỏi án lệnh phải ghi việc bị đơn nhận được giấy thông báo ngày tòa và nhận được cách nào. Vì quan tòa phải kiểm chứng việc tống đạt phù hợp với những điều lệ tòa (đúng thời gian và đúng cách), thì có lẽ quan tòa sẽ điền phần này cho quý vị.

Án lệnh cần ghi mối quan hệ của quý vị với bị đơn để nhân viên công lực ấn định là luật súng ống liên bang có áp dụng trong trường hợp của quý vị hay không. Xin đánh vào tất cả những khung có mô tả mối quan hệ của quý vị với bị đơn.

"Tóm Lược Án Lệnh"

Sau khi điền mẫu đơn xong, xin đánh vào những khung áp dụng.

Án lệnh này có hiệu lực một năm, ngoại trừ quan tòa viết một ngày khác vào trong khung.

Trang 2 và 3:

Những Điều Khoản Bảo Vệ

- Đánh vào những khung và điền những phần trống giống như khi quý vị ghi trong đơn xin, trừ khi quý vị không cần những điều khoản đó nữa.
- Quý vị không thể đánh vào khung của những điều khoản mà quý vị không yêu cầu trong đơn xin.
- Trong mỗi điều khoản, quý vị phải đánh vào những khung để cho biết những người và nơi quý vị muốn được bảo vệ.
- Nên nhớ: Quý vị có quyền giữ kín địa chỉ cư ngụ của quý vị. Quý vị không cần phải viết địa chỉ đó trên bản này.

Điều khoản 11: Điều khoản này không có trên đơn xin; tuy nhiên quý vị hay quan tòa có thể xếp đặt ngày trở lại tòa để duyệt xét sự tuân theo lệnh tòa.

Quan Tòa có thể phê chuẩn, từ chối, hoặc sửa đổi bất cứ điều khoản nào quý vị viết trong án lệnh này.

Dữ Liệu Ghi Nhập của Cơ Quan Công Lực

Án lệnh này sẽ được nhập vào kho dữ liệu toàn bang dùng bởi cơ quan công lực để bất cứ nhân viên công lực nào trong tiểu bang cũng có thể biết lệnh đó. Viết tên cơ quan có thẩm quyền nơi quý vị cư ngụ:

- Nếu địa chỉ của quý vị nằm trong phạm vi thành phố, xin viết tên cảnh sát thành phố.
- Nếu địa chỉ của quý vị nằm ngoài phạm vi thành phố, xin viết tên cảnh sát quận.

Tống Đạt Án Lệnh

Ngoại trừ bị đơn hoặc luật sư bị đơn tham dự phiên tòa, án lệnh phải được tống đạt cho bị đơn. Bị đơn cần phải biết có những điều khoản ngăn cấm nào hiện hữu và khi nào án lệnh mãn hạn. Quý vị có thể chọn việc tống đạt bởi:

- Một cơ quan công lực.
- Một người tống đạt chuyên nghiệp được mướn.
- Một người khác ít nhất 18 tuổi, mà không phải là một trong các bên thưa kiện.
- Bằng bưu điện hay đăng tải, nếu trước đây quan tòa đã phán lệnh cho phép tống đạt bằng bưu điện hay đăng tải.

Nếu quý vị muốn cơ quan công lực tống đạt án lệnh, xin đánh vào khung đó. Quý vị phải xác định cơ quan cảnh sát nào có thẩm quyền ở nơi bị đơn sống hay làm việc:

- Nếu địa chỉ tống đạt của bị đơn nằm trong phạm vi thành phố, xin viết tên cảnh sát thành phố.
- Nếu địa chỉ tống đạt của bị đơn nằm ngoài phạm vi thành phố, xin viết tên cảnh sát quận.

Nếu quý vị sắp xếp để tư nhân tống đạt án lệnh này, xin đánh vào khung đó. Sắp xếp tư nhân bao gồm:

- Một người tống đạt chuyên nghiệp được mướn.
- Một người khác ít nhất là 18 tuổi, mà không phải là một trong các bên thưa kiện.

Nếu bị đơn hay luật sư của bị đơn có mặt ở phiên tòa, xin đánh vào khung đó.

Quý vị cần phải cung cấp một địa chỉ mà họ có thể tìm được bi đơn để tống đạt giấy tờ. Đây có thể là địa chỉ nhà hay nơi làm việc. Nếu quý vị không có một địa chỉ để tống đạt cho bị đơn, xin liên lạc với lục sự hay người giúp đỡ để lấy thông tin.

Sự Trợ Giúp của Nhân Viên Công Lực

Quan tòa có thể ra lệnh nhân viên công lực trợ giúp quý vị một cách hạn chế. Nếu quý vị vẫn cần sự trợ giúp của nhân viên công lực, xin đánh vào những khung giống như quý vị đã đánh trong đơn xin.

Nếu quý vị có thắc mắc gì vế án lệnh này, xin hỏi lục sự tòa, nhân viên giúp đỡ của tòa hay người trợ giúp về bạo hành gia đình.

Ký Văn Bản

Quan tòa sẽ điền ngày và giờ khi án lệnh được phê chuẩn và ký tên của quan tòa.

Ký phía dưới văn bản ở chỗ có ghi "Trình bởi" và "Đương Đơn."

Dưới đây là một mẫu của Án Lệnh Bảo Vệ:

Notice: You must complete this form in English.
(Lưu Ý: Quý vị phải điền mẫu đơn này bằng Anh ngữ.)

Court of Washington
(của Washington Cho Quận)
For (Tòa)

Order for Protection
(Án Lệnh Bảo Vệ)

No. (Số)

Court Address (Địa chỉ của Tòa Án):_____

_____

Telephone Number:(__)_____
(Số Điện Thoại)

(Clerk's Action Required) (ORPRT)
(Lục Sự Cần Hành Sự)

_____ _____
Petitioner (First, Middle, Last Name) **DOB**
(Đương Đơn (Tên, Tên Đệm, Họ)) **(Ngày Sinh)**
v.
_____ _____
Respondent (First, Middle, Last Name) **DOB**
(Bị Đơn (Tên, Tên Đệm, Họ)) **(Ngày Sinh)**

Names of Minors (Tên của các Trẻ Vị Thành Niên):
☐ **No Minors Involved (Không có trẻ liên quan)**

First (Tên)	Middle (Tên Đệm)	Last (Họ)	Age (Tuổi)

Caution: Access to weapons: ☐ yes ☐ no ☐ unknown
(Cẩn Thận: Tiếp cận với vũ khí: [-] có [-] không [-] không biết)

Respondent Identifiers
(Danh Tánh của Bị Đơn)

Sex (Giới Tính)	Race (Chủng Tộc)	Hair (Màu Tóc)
Height (Chiều Cao)	Weight (Cân Nặng)	Eyes (Màu Mắt)

Respondent's Distinguishing Features:
(Những Nét Dễ Nhận của Bị Đơn)
_____
_____

***The Court Finds Based Upon the Court Record*:**
(Tòa Phán Dựa Theo Hồ Sơ Tòa)

The court has jurisdiction over the parties, the minors, and the subject matter and respondent has been provided with reasonable notice and an opportunity to be heard. Notice of this hearing was served on the respondent by ☐ personal service ☐ service by mail pursuant to court order ☐ service by publication pursuant to court order ☐ other_____.
(Tòa án có thẩm quyền đối với những bên kiện, những trẻ vị thành niên và nôi vụ và bị đơn đã được thông báo một cách hợp lý và đã có cơ hội để trình bày. Giấy báo phiên tòa này đã được tống đạt cho bị đơn bằng [-] sự tống đạt cá nhân [-] thư chiếu theo lệnh tòa [-] đăng tải trên báo chiếu theo lệnh tòa [-] cách khác [_____].)

This order is issued in accordance with the Full Faith and Credit provisions of VAWA: 18 U.S.C. § 2265.
(Án lệnh này được ban đúng theo những điều khoản về Thành Tâm và Tin Tưởng của đạo luật VAWA: 18 U.S.C. § 2265.)

Respondent's relationship to the petitioner is (Sự quan hệ giữa Bị Đơn và Đương Đơn là):

☐ spouse or former spouse (phối ngẫu hay phối ngẫu cũ)
☐ parent of a common child (cha mẹ của một đứa con chung)
☐ current or former cohabitant as intimate partner, including current or former registered domestic partner (người sống chung hiện thời hay trước đây mà có liên hệ tình cảm, kể cả người đăng ký là cặp đôi hiện thời hay từ trước)
☐ current or former dating relationship (người có liên hệ bồ bịch hiện thời hay từ trước)
☐ stepparent or stepchild (cha mẹ ghẻ hay con ghẻ)
☐ current or former cohabitant as roommate (người sống chung hiện thời hay trước đây như bạn đồng phòng)
☐ in-law (họ hàng bên vợ hay chồng)
☐ parent or child (cha mẹ hay con cái)
☐ blood relation other than parent or child (liên hệ máu mủ ngoài cha mẹ hay con cái)

Respondent committed domestic violence as defined in RCW 26.50.010 and represents a credible threat to the physical safety of petitioner; the court concludes as a matter of law the relief below shall be granted.
(Bị đơn đã có hành động bạo hành gia đình như được quy định theo RCW 26.50.010 và tỏ ra là một sự đe dọa đáng tin cho sự an toàn thể chất cho đương đơn,; tòa kết luận về phương diện luật pháp, sự cứu giúp dưới đây cần được phê chuẩn.)

Court Order Summary (Tóm Lược Án Lệnh):

☐ Respondent is restrained from committing acts of abuse as listed in restraint provision 1, on page 2.
(Bị đơn bị ngăn cấm không được có hành động lạm hành như được ghi trong điều khoản ngăn cấm 1, ở trang 2.)
☐ No-contact provisions apply as set forth on the following pages.
(Những điều khoản cấm liên lạc được áp dụng như được ghi trong những trang sau đây.)
☐ Additional provisions are listed on the following pages.
(Những điều khoản bổ túc được liệt kê trong những trang sau đây.)

The terms of this order shall be effective immediately and for one year from today's date, unless stated otherwise here (date): _____

(Những điều kiện của án lệnh này có hiệu lực ngay lập tức và có hiệu lực trong một năm kể từ ngày hôm nay ngoại trừ được ghi khác ở đây (ngày))

It is Ordered (Tòa Ra Lệnh):

☐ 1. Respondent is ***Restrained*** from causing physical harm, bodily injury, assault, including sexual assault, and from molesting, harassing, threatening, or stalking ☐ petitioner ☐ the minors named in the table above ☐ these minors only:
(Bị đơn bị ***Ngăn Cấm*** không được làm hại thể chất, gây thương tích, hành hung, kể cả hành hung về tình dục, và không được xúc phạm tình dục, sách nhiễu, hăm dọa, hay rình rập [-] đương đơn [-] những trẻ vị thành niên được nêu tên trong bảng ở trên [-] chỉ những trẻ này mà thôi):

(If the respondent's relationship to the petitioner is that of spouse or former spouse, parent of a common child, or former or current cohabitant as intimate partner, including current (or former registered domestic partner, then effective immediately, and continuing as long as this protection order is in effect, **the respondent may not possess a firearm or ammunition**. 18 U.S.C. § 922(g)(8). A violation of this federal firearms law carries a maximum possible penalty of 10 years in prison and a $250,000 fine. An exception exists for law enforcement officers and military personnel when carrying department/government-issued firearms. 18 U.S.C. § 925(a)(1).)
(Nếu mối quan hệ của bị đơn với đương đơn là phối ngẫu hay phối ngẫu cũ, cha mẹ của một đứa con chung, hay là người sống chung hiện thời hay trước đây mà có liên hệ tình cảm, kể cả người đăng ký là cặp đôi hiện thời hay từ trước, thì ngay tức khắc, và tiếp tục trong thời gian án lệnh bảo vệ này còn hiệu lực, **bị đơn không được có súng hay đạn**. 18 U.S.C. § 922(g)(8). Sự vi phạm luật liên bang về súng ống này có hình phạt tối đa là 10 năm tù và $250,000 tiền phạt. Một ngoại lệ áp dụng cho nhân viên công lực và quân nhân khi họ mang súng cấp bởi cơ quan chính phủ. 18 U.S.C. § 925(a)(1).)

☐ 2. Respondent is ***Restrained*** from coming near and from having any contact whatsoever, in person or through others, by phone, mail, or any means, directly or indirectly, except for mailing or service of process of court documents by a 3rd party or contact by Respondent's lawyer(s) with ☐ petitioner ☐ the minors named in the table above ☐ these minors only:

(Bị đơn bị ***Ngăn Cấm*** không được tới gần và hay liên lạc gì, đích thân hay qua những người khác, bằng điện thoại, thư từ, hay bất cứ cách nào, trực tiếp hay gián tiếp, ngoại trừ để gởi hay tống đạt giấy tờ tòa bởi một đệ tam nhân hay liên lạc bởi luật sư của Bị đơn với [-] đương đơn [-] những trẻ vị thành niên được nêu tên trong bảng ở trên [-] chỉ những trẻ này mà thôi):

If both parties are in the same location, respondent shall leave.
(Nếu cả hai bên cùng có mặt ở một địa điểm, bị đơn phải bỏ đi.)

☐ 3. Respondent is ***Excluded*** from petitioner's ☐ residence ☐ workplace ☐ school; ☐ the day care or school of ☐ the minors named in the table above ☐ these minors only:
(Bị đơn bị ***Loại Trừ*** khỏi [-] nhà [-] nơi làm việc [-] trường học của đương đơn; [-] nơi giữ trẻ hay trường của [-] những trẻ vị thành niên được nêu tên trong bảng ở trên [-] những trẻ này mà thôi):

☐ Other (Nơi khác):

☐ Petitioner's address is confidential ((Địa chỉ của đương đơn được giữ kín). ☐ Petitioner waives confidentiality of the address which is (Đương đơn miễn việc giữ kín địa chỉ, đó là):

☐ 4. Petitioner shall have exclusive right to the residence that petitioner and respondent share. The respondent shall immediately ***Vacate*** the residence. The respondent may take respondent's personal clothing and tools of trade from the residence while a law enforcement officer is present.
(Đương đơn có quyền hoàn toàn với nhà mà đương đơn và bị đơn sống chung. Bị đơn phải ***Rời*** nhà này ngay lập tức. Bị đơn có thể lấy đi những quần áo của bị đơn và những dụng cụ hành nghề của bị đơn trong khi có mặt của nhân viên công lực.)

☐ This address is confidential (Địa chỉ này được giữ kín). ☐ Petitioner waives confidentiality of this address which is (Đương đơn miễn việc giữ kín địa chỉ này, đó là):

☐ 5. Respondent is ***Prohibited*** from knowingly coming within, or knowingly remaining within _____ (distance) of: petitioner's ☐ residence ☐ workplace ☐ school; ☐ the day care or school of ☐ the minors named in the table on page one ☐ these minors only:
(Bị đơn bị ***Cấm*** không được chủ tâm đi đến nội trong, hay chủ tâm ở lại nội trong [__] (khoảng cách) của [-] nhà ở [-] nơi làm việc [-] trường học của đương đơn; [-] nơi giữ trẻ hay trường học của [-] những trẻ vị thành niên được nêu tên trong bảng ở trang một [-] những trẻ này mà thôi):

☐ Other (Nơi khác):

☐ 6. Petitioner shall have possession of essential personal belongings, including the following:
(Đương đơn được sự sở hữu của những tài sản cá nhân cần thiết, kể cả những tài sản sau đây):

☐ 7. Petitioner is granted use of the following vehicle
(Đương đơn được cho phép dùng chiếc xe sau đây):

Year, Make & Model_____ License No._____
(Đời, Hiệu & Kiểu) (Bảng Số Xe)

☐ 8. Other (Điều Khác):

☐ 9. Respondent shall participate in treatment and counseling as follows
(Bị đơn phải tham gia trong việc điều trị và cố vấn như sau):

- ☐ domestic violence perpetrator treatment program approved under RCW 26.50.150 or counseling at:_____.
  (chương trình điều trị kẻ phạm tội bạo hành gia đình được chấp thuận theo RCW 26.50.150 hay cố vấn tại)
- ☐ parenting classes at: _____.
  (những lớp dạy làm phụ huynh)
- ☐ drug/alcohol treatment at: _____.
  (chương trình cai ma túy/rượu tại)
- ☐ other (điều khác): _____.

☐ 10. Petitioner is granted judgment against respondent for $_____ fees and costs.
(Đương đơn được tòa ban phán quyết bắt bị đơn phải trả $ [____] cho lệ phí và tổn phí.)

☐ 11. Parties shall return to court on _____, at _____ ___.m. for review.
(Hai bên phải trở lại tòa vào ngày) (lúc) (sáng/chiều để duyệt xét.)

Complete only if the protection ordered involves minors: This state ☐ has exclusive continuing jurisdiction; ☐ is the home state; ☐ has temporary emergency jurisdiction ☐ that may become final jurisdiction under RCW 26.27.231(2); ☐ other: _____.
(**Chỉ điền nếu sự bảo vệ liên quan đến trẻ vị thành niên:** Tiểu bang này [-] có thẩm quyền liên tục độc nhất; [-] là tiểu bang gốc; [-] có thẩm quyền khẩn cấp tạm thời [-] mà có thể trở thành thẩm quyền tối cùng theo RCW 26.27.231(2); [-] điều khác: [___].)

☐ 12. Petitioner is ***Granted*** the temporary care, custody, and control of ☐ the minors named in the table above ☐ these minors only:
(Bị đơn được ***Ban*** sự chăm sóc, sự trông giữ, và kiểm soát tạm thời của [-] những trẻ vị thành niên được nêu tên trong bảng ở trên [-] chỉ những trẻ này mà thôi):

☐ 13. Respondent is ***Restrained*** from interfering with petitioner's physical or legal custody of ☐ the minors named in the table above ☐ these minors only:
(Bị đơn bị ***Ngăn Cấm*** không được làm cản trở việc trông giữ về thể chất hay pháp lý của đương đơn với [-] những trẻ vị thành niên được nêu tên trong bảng ở trên [-] chỉ những trẻ này mà thôi):

☐ 14. Respondent is ***Restrained*** from removing from the state ☐ the minors named in the table above ☐ these minors only:
(Bị đơn bị ***Ngăn Cấm*** không được đem ra khỏi tiểu bang [-] những trẻ vị thành niên được nêu tên trong bảng ở trên [-] chỉ những trẻ này mà thôi):

☐ 15. The respondent will be allowed visitations as follows (Bị đơn được phép thăm viếng như sau):

_____

_____

_____

_____

_____

_____

_____

Petitioner may request modification of visitation if respondent fails to comply with treatment or counseling as ordered by the court.
(Đương đơn có thể yêu cầu sửa đổi sự thăm viếng nếu bị đơn không tuân hành với việc điều trị hay cố vấn như tòa đã ra lệnh)

If the person with whom the child resides a majority of the time plans to relocate the child, that person must comply with the notice requirements of the Child Relocation Act. Persons entitled to time with the child under a court order may object to the proposed relocation. See RCW 26.09, RCW 26.10 or RCW 26.26 for more information.
(Nếu người mà đứa trẻ sống chung đa số thời gian, dự định rời đứa trẻ đi nơi khác, người đó phải tuân hành với những điều kiện thông báo của Đạo Luật Rời Trẻ Em. Những người được có thời gian với đứa trẻ theo một lệnh tòa, có thể phản đối sự đề nghị rời đi này. Xin coi RCW 26.09, RCW 26.10 hay RCW 26.26 để biết thêm chi tiết.)

Warnings to the Respondent: A violation of provisions 1 through 5 of this order with actual notice of its terms is a criminal offense under chapter 26.50 RCW and will subject you to arrest. If the violation of the protection order involves travel across a state line or the boundary of a tribal jurisdiction, or involves conduct within the special maritime and territorial jurisdiction of the United States, which includes tribal lands,you may be subject to criminal prosecution in federal court under 18 U.S.C. §§ 2261, 2261A, or 2262.
(***Cảnh Cáo cho Bị Đơn:*** Vi phạm những điều khoản 1 tới 5 của án lệnh này với giấy thông báo thực sự về những điều kiện, là một tội hình chiếu theo chương 26.50 RCW và sẽ đưa đến sự bắt giữ quý vị. Nếu sự vi phạm án lệnh bảo vệ liên quan đến việc đi xuyên bang hay vượt ranh giới thẩm quyền của bộ lạc, hay có những hành vi nằm trong thẩm quyền đặc biệt về hàng hải và lãnh thổ của Chính Phủ Hoa Kỳ, trong đó bao gồm lãnh thổ của các bộ lạc, thì quý vị có thể bị truy tố ở tòa liên bang chiếu theo đạo luật 18 U.S.C. §§ 2261, 2261A, hay 2262.)

A violation of provisions 1 through 5 of this order is a gross misdemeanor unless one of the following conditions apply: Any assault that is a violation of this order and that does not amount to assault in the first degree or second degree under RCW 9A.36.011 or 9A.36.021 is a class C felony. Any conduct in violation of this order that is reckless and creates a substantial risk of death or serious physical injury to another person is a class C felony. Also, a violation of this order is a class C felony if you have at least two previous convictions for violating a protection order issued under Titles 7, 10, 26 or 74 RCW.
(Vi phạm những điều khoản 1 tới 5 của án lệnh này là một tội tiểu hình cao ngoại trừ một trong những điều kiện sau đây áp dụng: Bất cứ sự hành hung nào mà vi phạm án lệnh này nhưng không tới độ hành hung cấp một hay cấp hai chiếu theo RCW 9A.36.011 hay 9A.36.021, là một tội đại hình loại C. Bất cứ hành vi nào vi phạm án lệnh này mà có tính cách cẩu thả và gây rủi ro lớn lao cho một người khác có thể bị tử vong hay bị thương tích trầm trọng, là một tội đại hình loại C. Hơn nữa, sự vi phạm án lệnh này là một tội đại hình loại C nếu quý vị đã bị kết tội ít nhất là hai lần vì vi phạm lệnh bảo vệ được ban theo những Đạo luật 7, 10, 26 hay 74 RCW.)

If you are convicted of an offense of domestic violence, you will be forbidden for life from possessing a firearm or ammunition. 18 U.S.C. § 922(g)(9); RCW 9.41.040.
(Nếu quý vị bị kết một tội về bạo hành gia đình, quý vị sẽ bị cấm suốt đời không được có súng hay đạn. 18 U.S.C. § 922(g)(9); RCW 9.41.040.)

You Can Be Arrested Even if the Person or Persons Who Obtained the Order Invite or Allow You to Violate the Order's Prohibitions. You have the sole responsibility to avoid or refrain from violating the order's provisions. Only the court can change the order upon written application.
(Quý Vị Có Thể Bị Bắt Giữ Dù Người hoặc Những Người Có Án Lệnh Mời hay Cho Phép Quý vị Vi Phạm Những Điều Ngăn Cấm trong Án Lệnh. Quý vị là người duy nhất có trách nhiệm để tránh hay không vi phạm những điều khoản trong án lệnh. Chỉ tòa án mới thay đổi được án lệnh sau khi nhận được văn bản yêu cầu.)

Pursuant to 18 U.S.C. § 2265, a court in any of the 50 states, the District of Columbia, Puerto Rico, any United States territory, and any tribal land within the United States shall accord full faith and credit to the order.
(Chiếu theo đạo luật 18 U.S.C. § 2265, tòa án trong 50 tiểu bang, Địa Phận Columbia, Puerto Rico, và trong bất cứ lãnh thổ liên bang Hoa Kỳ nào, và trong bất cứ lãnh thổ bộ lạc nào trên đất Hoa Kỳ, phải đặt hoàn toàn tin tưởng và giá trị cho án lệnh.)

It is further ordered that the clerk of the court shall forward a copy of this order on or before the next judicial day to _____ ☐ County Sheriff's Office ☐ Police Department ***Where Petitioner Lives*** which shall enter it in a computer-based criminal intelligence system available in this state used by law enforcement to list outstanding warrants.

(Tòa cũng phán thêm là lục sự tòa phải chuyển một bản sao của án lệnh này vào hay trước ngày tòa làm việc kế tiếp cho [___] [-] Văn Phòng Cảnh Sát Quận [-] Cơ Quan Cảnh Sát ***Nơi Đương Đơn Cư Ngụ*** để được đánh vào một hệ thống vi tính tình báo hình sự có trong tiểu bang này mà cơ quan công lực dùng để liệt kê những trát tòa chưa giải tỏa.)

Service (Sự tống Đạt)

☐ The clerk of the court shall also forward a copy of this order on or before the next judicial day to _____ ☐ County Sheriff's Office ☐ Police Department ***Where Respondent Lives*** which shall personally serve the respondent with a copy of this order and shall promptly complete and return to this court proof of service.

(Lục sự tòa cũng phải chuyển một bản sao của án lệnh này vào hay trước ngày tòa làm việc kế tiếp cho [___] [-] Văn Phòng Cảnh Sát Quận [-] Cơ Quan Cảnh Sát ***Nơi Bị Đơn Cư Ngụ*** mà phải đích thân tống đạt bị đơn một bản sao của án lệnh này và phải điền và nộp cho tòa một cách nhanh chóng bằng chứng tống đạt.)

☐ Petitioner shall serve this order by ☐ mail ☐ publication.
(Đương đơn phải tống đạt án lệnh này bằng [-] thư [-] cách đăng báo.)

☐ Petitioner shall make private arrangements for service of this order.
(Đương đơn đã sắp xếp việc tư nhân tống đạt án lệnh này.)

☐ Respondent appeared and was informed of the order by the court; further service is not required.
(Bị đơn đã có mặt ở tòa và được tòa thông báo về án lệnh; không cần phải tống đạt thêm nữa.)

☐ Law enforcement shall assist petitioner in obtaining:
(Cơ quan công lực phải trợ giúp đương đơn để:)

- ☐ Possession of petitioner's (Lấy lại cho đương đơn) ☐ residence (nhà của đương đơn) ☐ personal belongings located at (tài sản của đương đơn tại): ☐ the shared residence (nhà ở chung) ☐ respondent's residence (nhà của bị đơn) ☐ other (nơi khác): _____
- ☐ Custody of the above-named minors, including taking physical custody for delivery to petitioner.
  (Được sự trông giữ những trẻ vị thành niên nêu trên, kể cả việc bắt những trẻ này và đưa lại cho đương đơn.)
- ☐ Possession of the vehicle designated in paragraph 7, above.
  (Lấy chiếc xe chỉ định trong đoạn 7, ở trên.)
- ☐ Other (Điều khác): _____

☐ Other (Điều khác):_____.

This Order is in Effect Until the Expiration Date on Page One.
(Án Lệnh Này có Hiệu Lực cho tới Ngày Mãn Hạn ở Trang Một.)

If the duration of this order exceeds one year, the court finds that an order of one year or less will be insufficient to prevent further acts of domestic violence.
(Nếu án lệnh này có thời hạn quá một năm, tòa phán là một án lệnh cho một năm hay ngắn hơn không đủ để ngăn cản những hành động bạo hành gia đình trong tương lai.)

Dated: _____ at _____ a.m./p.m.
(Đề ngày) (lúc) (sáng/chiều)

_____
Judge/Commissioner
(Quan Tòa/Ủy Viên Đặc Trách)

Presented by:
(Trình bởi)

I acknowledge receipt of a copy of this Order:
(Tôi xác nhận đã nhận một bản của Án Lệnh này:)

_____
Petitioner Date
(Đương đơn) (Ngày)

_____
Respondent Date
(Bị đơn) (Ngày)

A Law Enforcement Information Sheet (LEIS) must be completed.
(Phải điền một Bản Thông Tin cho Cơ Quan Công Lực (LEIS))